QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: …../2022/QH15	*Hà Nội, ngày tháng năm*

Dự thảo

LUẬT
ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động điện ảnh trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến điện ảnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Điện ảnh* là ngành nghệ thuật sáng tạo, áp dụng công nghệ để sản xuất ra phim nhằm giới thiệu đến khán giả thông qua trình chiếu.

2. *Phim* là tác phẩm điện ảnh có ý tưởng, nội dung xác định; được biểu hiện bằng hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do máy tính tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác; được ghi trên các chất liệu hoặc phương tiện kỹ thuật số và được phổ biến đến khán giả trong hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình, trên không gian mạng và các địa điểm được quy định.

Phim không bao gồm sản phẩm nghe - nhìn do người sử dụng mạng xã hội tạo ra, đăng tải và chia sẻ trên không gian mạng.

3. *Hoạt động điện ảnh* là hoạt động xây dựng và phát triển điện ảnh, bao gồm sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát

triển điện ảnh, lưu chiểu, lưu trữ phim, đào tạo điện ảnh và các hoạt động khác liên quan đến điện ảnh.

4. *Phát hành phim* là việc trao đổi, mua, bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu phim.

5. *Phổ biến phim* là việc đưa phim đến khán giả thông qua các hình thức chiếu phim trong hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình, trên không gian mạng và các địa điểm được quy định.

6. *Phân loại phim* là việc xếp loại theo nội dung để phổ biến phim phù hợp với độ tuổi khán giả.

7. *Kịch bản phim* là văn bản thể hiện toàn bộ nội dung phim.

8. *Chủ sở hữu phim* là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất phim; mua quyền sở hữu phim; được tặng cho hoặc thừa kế quyền sở hữu phim và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về sở hữu.

9. *Phim Việt Nam* là phim đã được phép phổ biến tại Việt Nam theo quy định của Luật này và có hai trong ba yếu tố sau: đạo diễn có quốc tịch Việt Nam, ngôn ngữ chủ yếu trong phim là tiếng Việt, có ít nhất một cơ sở điện ảnh Việt Nam tham gia sản xuất phim.

10. *Cung cấp dịch vụ sản xuất phim* là hoạt động cung cấp phương tiện, trang, thiết bị kỹ thuật, bối cảnh, nhân lực và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất phim.

11. *Địa điểm công cộng* là nơi tập trung đông người trong nhà, ngoài trời, trên phương tiện vận chuyển hành khách công cộng.

12. *Chiếu phim lưu động* là hoạt động chiếu phim nhằm mục đích tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của nhân dân ở vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; phục vụ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Điều 4. Nguyên tắc của hoạt động điện ảnh

1. Xây dựng nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hội nhập quốc tế và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của nhân dân.

2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo đảm tính nhân văn, thẩm mỹ và giải trí.

3. Phát huy quyền sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

4. Bảo đảm sự bình đẳng của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động điện ảnh.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau:

a) Sản xuất phim thực hiện theo kế hoạch để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước;

b) Mua bản quyền phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao để tuyên truyền, nghiên cứu, lưu trữ và phục vụ nhiệm vụ chính trị;

c) Phát hành, phổ biến phim, cung cấp kinh phí tổ chức, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật chiếu phim phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn; phục vụ thiếu nhi, lực lượng vũ trang; phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại;

d) Tổ chức Liên hoan phim Việt Nam, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng và cuộc thi phim cấp quốc gia; liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

2. Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau:

a) Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiểu và lưu trữ phim, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;

c) Tổ chức liên hoan, giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế.

3. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh, thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, sản xuất, phát hành, phổ biến phim; thực hiện quảng bá, xúc tiến, phát triển ngành công nghiệp điện ảnh Việt Nam dân tộc, hiện đại, tạo ra các tác phẩm điện ảnh có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

1. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia xây dựng, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách về điện ảnh;

c) Tham gia xúc tiến, quảng bá, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh cho các hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức triển khai việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; vận động hội viên, người lao động kinh doanh điện ảnh thực hiện đúng quy định của pháp luật;

đ) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 7. Cơ sở điện ảnh

1. Cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp tham gia hoạt động điện ảnh.

2. Doanh nghiệp điện ảnh thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đơn vị sự nghiệp điện ảnh thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này và quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp điện ảnh Việt Nam hoạt động sản xuất, phát hành và phổ biến phim dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Nghiêm cấm các hoạt động điện ảnh có nội dung sau đây:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội; phá hoại truyền thống văn hóa, đạo đức xã hội và tôn giáo, tín ngưỡng;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

d) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

đ) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trái với truyền thống yêu hoà bình và nhân ái của dân tộc, trừ trường hợp nội dung nhằm phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa;

e) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại khêu gợi, kích thích dâm ô, truỵ lạc, loạn luân;

g) Mê tín dị đoan làm mê hoặc người khác, trái với tự nhiên, gây tác động xấu về nhận thức;

h) Xâm phạm quyền của trẻ em, nguyên tắc bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim và trên hệ thống truyền hình mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh (sau đây gọi là Giấy phép phân loại phim) hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình (sau đây gọi là Quyết định phát sóng);

b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Phát hành, phổ biến phim không tuân thủ các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim, Quyết định phát sóng;

đ) Phổ biến phim trên không gian mạng quốc gia mà không tự phân loại và hiển thị kết quả phân loại phim theo quy định của Luật này.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

a) Sản xuất, hợp tác sản xuất phim; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Tham gia sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước;

c)Tham gia các liên hoan phim; giải thưởng và cuộc thi phim; chương trình phim, tuần phim theo quy định của Luật này;

d) Phát hành phim do mình là chủ sở hữu;

đ) Được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim:

a) Thực hiện đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Chịu trách nhiệm về nội dung phim do mình sản xuất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện đúng nội dung Giấy phép cung cấp dịch sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan về quyền tác giả và quyền liên quan; bảo vệ môi trường, bảo vệ danh lam thắng cảnh và an toàn sản xuất phim, đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ và phòng ngừa cần thiết trong quá trình sản xuất phim;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim thực hiện theo nội dung hợp đồng và quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở Trung ương và địa phương, chủ địa điểm có bối cảnh quay phim có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hợp tác sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài

Cơ sở điện ảnh sản xuất phim tại Việt Nam được hợp tác sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài và phải chịu trách nhiệm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam phải hợp tác với tổ chức cung cấp dịch vụ Việt Nam.

2. Tổ chức Việt Nam cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho từng dự án sản xuất.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Kịch bản phim bằng tiếng Việt.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp kịch bản vi phạm Điều 8 Luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam hoặc phải bổ sung thông tin theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch, thời hạn cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim được tính từ ngày nhận được kịch bản đã được sửa chữa hoặc thông tin đã được bổ sung.

Điều 13. Sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo kế hoạch để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước.

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện quy trình lựa chọn dự án sản xuất phim và thành lập Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Việc sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo một trong các hình thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc giao nhiệm vụ hoặc nhận đặt hàng theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phát hành phim:

a) Thực hiện phát hành phim trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

b) Trao đổi phim, hợp tác để phát hành phim;

c) Được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim:

a) Thực hiện phát hành phim theo đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Bảo đảm phim phát hành tuân thủ các quy định về quyền tác giả và quyền liên quan và chịu trách nhiệm về nội dung phim phát hành;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trao đổi, bán, cho thuê phim

Tổ chức, cá nhân chỉ được trao đổi, bán, cho thuê phim được phép phổ biến theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 16. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Phim xuất khẩu phải có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng và việc xuất khẩu phim thực hiện theo các quy định của pháp luật về xuất khẩu.

2. Phim nhập khẩu phải bảo đảm không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật này.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu phim:

a) Khi làm thủ tục nhập khẩu phim phải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim;

b) Khi phổ biến phim phải thực hiện theo quy định của Luật này;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng phim nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phim nhập khẩu nhằm mục đích nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:

a) Phổ biến phim theo đăng ký kinh doanh hoặc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện kinh doanh dịch vụ quảng cáo về phim và các dịch vụ khác phục vụ khán giả;

c) Được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim:

a) Chỉ được phổ biến phim có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng, trừ trường hợp quy định tại Điều 20 Luật này;

b) Bảo đảm các điều kiện để phổ biến đối với từng hình thức phổ biến;

c) Thực hiện cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến khán giả theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim

1. Điều kiện kinh doanh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim:

Có rạp chiếu phim bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Việc phổ biến phim trong hệ thống rạp phải bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17 Luật này và các quy định sau đây:

a) Bảo đảm tỷ lệ số buổi chiếu phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ;

b) Bảo đảm khán giả xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;

c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

Điều 19. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

Việc phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17 Luật này và các quy định sau đây:

1. Bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và giờ phát sóng phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ.

2. Quyết định phát sóng phải thực hiện phân loại phim theo tiêu chí quy định tại Điều 30 Luật này.

3. Việc cấp và thu hồi Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam do người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình quyết định theo quy định của Luật này và Luật Báo chí.

Điều 20. Phổ biến phim trên không gian mạng quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân phổ biến phim trên không gian mạng quốc gia phải bảo đảm quy định sau đây:

a) Không vi phạm quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 14 Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Không thay đổi kết quả phân loại đối với phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Trường hợp phim chưa có Giấy phép phân loại phim và Quyết định phát sóng, phải tự phân loại, hiển thị kết quả phân loại phim theo quy định tại Điều 30 Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại phim;

d) Gỡ bỏ phim vi phạm Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 14 Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp nước ngoài hoạt động phổ biến phim trên không gian mạng quốc gia phải thực hiện quy định của Luật này, pháp luật về an ninh mạng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 21. Phổ biến phim tại địa điểm công cộng

1. Tổ chức, cá nhân phổ biến phim tại địa điểm công cộng phải bảo đảm phải bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17 Luật này, các điều kiện về an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân phổ biến phim ngoài trời phải thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương theo phân cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc trước ngày thực hiện.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương tiếp nhận thông báo có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức phổ biến phim ngoài trời; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 22. Chiếu phim lưu động

1. Đội chiếu phim lưu động là bộ phận thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo kế hoạch hàng năm, được Nhà nước đầu tư thiết bị chiếu phim và phương tiện vận chuyển.

2. Đội chiếu phim lưu động được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang; bảo đảm tối thiểu 50% chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn.

3. Cơ sở tư nhân chiếu phim lưu động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thanh toán chi phí tổ chức buổi chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Khuyến khích các cơ sở điện ảnh cung cấp bản phim cho các đội chiếu phim lưu động.

5. Việc tổ chức chiếu phim lưu động phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật này.

Điều 23. Phổ biến phim tại trụ sở của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam

Phim do tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế phổ biến cho đối tượng là người Việt Nam không phải là cán bộ, nhân viên của tổ chức đó phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định của Luật này.

Điều 24. Quảng cáo về phim

Tổ chức, cá nhân được quảng cáo về phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc về các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất và phát hành phim theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

Điều 25. Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim

Việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Cấp Giấy phép phân loại phim

1. Thẩm quyền cấp Giấy phép:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim theo phân cấp của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại Điều 20 Luật này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Bản sao văn bản chứng minh quyền khai thác hợp pháp của phim;

c) Bản phim;

d) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy phép phân loại phim theo mẫu của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.

Trường hợp phim phải điều chỉnh hoặc bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời hạn cấp Giấy phép phân loại phim được tính từ ngày nhận được bản phim đã điều chỉnh nội dung hoặc thông tin đã được bổ sung.

Điều 27. Thay đổi nội dung phim và các thông tin khác trong Giấy phép phân loại phim

1. Trường hợp thay đổi nội dung phim hoặc địa điểm chiếu phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại Điều 26 Luật này.

2. Trường hợp thay đổi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoặc tên phim hoặc thời hạn chiếu phim mà không thay đổi nội dung và địa điểm chiếu phim đã

được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu không đồng ý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân loại phim có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 28. Thu hồi Giấy phép phân loại phim

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật này quyết định việc thu hồi Giấy phép phân loại phim đối với phim vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Luật này.

2. Việc thu hồi Giấy phép phân loại phim thực hiện như sau:

a) Quyết định thu hồi Giấy phép phải ghi rõ lý do thu hồi, thời hạn thu hồi. Thời hạn thu hồi phải căn cứ vào mức độ vi phạm và do cơ quan cấp phép quyết định nhưng không quá 03 tháng;

b) Cơ sở phát hành phim, phổ biến phim có trách nhiệm khắc phục vi phạm trong thời hạn thu hồi và đề nghị cấp phép theo quy định Điều 26 Luật này trước khi tiếp tục phổ biến.

Điều 29. Hội đồng phân loại phim

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng phân loại phim được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng phân loại phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng phân loại phim của tỉnh.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng phân loại phim do người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quy định.

3. Hội đồng phân loại phim có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan có thẩm quyền trước khi cấp Giấy phép phân loại phim.

Điều 30. Phân loại phim

1. Phim được phổ biến phải được phân loại theo độ tuổi như sau:

a) Loại P: Phim được phép phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng khán giả;

b) Loại C18: Phim được phổ biến đến khán giả từ đủ 18 tuổi trở lên;

c) Loại C16: Phim được phổ biến đến khán giả từ đủ 16 tuổi trở lên;

d) Loại C13: Phim được phổ biến đến khán giả từ đủ 13 tuổi trở lên;

đ) Loại PG: Phim được phổ biến đến khản giả dưới 13 tuổi với điều kiện xem cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ;

e) Loại C: Phim không được phép phổ biến.

2. Tiêu chí để phân loại phim theo độ tuổi do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định là căn cứ để tự phân loại, cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Chương V

LƯU CHIỂU, LƯU TRỮ PHIM

Điều 31. Lưu chiểu phim

1. Cơ sở điện ảnh có phim được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định phải nộp một bản lưu chiểu phim tại cơ quan cấp Giấy phép phân loại phim. Đối với phim Việt Nam có sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp kịch bản và tài liệu kèm theo phim.

2. Thời hạn lưu chiểu:

a) Đối với phim Việt Nam: Theo thời hạn ghi trong Giấy phép phân loại phim;

b) Đối với phim nhập khẩu: Theo thời hạn bản quyền phổ biến tại Việt Nam.

3. Hết thời hạn lưu chiểu, cơ quan nhận lưu chiểu có trách nhiệm:

a) Đối với phim Việt Nam sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiểu không khóa mã, kịch bản và tài liệu đi kèm cho cơ sở lưu trữ phim;

b) Đối với phim Việt Nam không sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiểu khóa mã cho cơ sở lưu trữ phim;

c) Đối với phim nhập khẩu: Trả lại bản phim lưu chiểu cho cơ sở nộp lưu chiểu.

Điều 32. Lưu trữ phim

1. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm lưu trữ phim Việt Nam đã được cấp Giấy phép phân loại phim.

2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình có trách nhiệm lưu trữ phim của cơ quan mình.

Điều 33. Quyền và trách nhiệm của cơ sở lưu trữ phim

1. Tổ chức khai thác phim lưu trữ, cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho cơ sở sản xuất phim có phim lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi, khai thác phim.

3. Mua phim có giá trị trong nước và nước ngoài để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

4. Làm dịch vụ lưu trữ; bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.

5. Bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim

1. Được cơ sở lưu trữ phim bảo đảm an toàn bản phim.

2. Được thỏa thuận với cơ sở lưu trữ phim trong trường hợp làm dịch vụ lưu trữ, bán, cho thuê, phổ biến phim.

3. Nộp lưu chiểu, lưu trữ phim theo quy định của Luật này.

4. Cung cấp mã khóa của bản phim khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI
QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH; QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Mục 1
QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 35. Liên hoan phim Việt Nam, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng và cuộc thi phim cấp quốc gia

Liên hoan phim Việt Nam, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng và cuộc thi phim cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

Điều 36. Liên hoan, giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế tại Việt Nam

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép tổ chức các liên hoan, giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế tại Việt Nam.

2. Các tổ chức sau đây được tổ chức liên hoan, giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế tại Việt Nam:

a) Tổ chức Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

b) Tổ chức nước ngoài không quy định tại điểm a khoản này liên kết với tổ chức Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Đề án;

c) Điều lệ.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép tổ chức:

a) Các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này nộp trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép tổ chức. Trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 37. Liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim của Bộ, ngành hoặc địa phương

1. Liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim của Bộ, ngành hoặc địa phương phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp Giấy phép tổ chức.

2. Liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim của Bộ, ngành hoặc địa phương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp theo quy định sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép đối với liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim của Bộ, ngành ở Trung ương hoặc của hai địa phương trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép đối với với liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim của các tổ chức không thuộc quy định tại Điều 35 và điểm a khoản này tổ chức tại địa phương.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép tổ chức:

a) Tổ chức đề nghị tổ chức nộp trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 36 đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm cấp Giấy phép tổ chức. Trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 38. Chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam

1. Chương trình phim, tuần phim Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam không thuộc khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình phim, tuần phim Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về nội dung, kế hoạch tổ chức cho cơ quan nhà nước có

thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức trong thời hạn 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Việc tổ chức chương trình phim, tuần phim nước ngoài không thuộc khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình phim, tuần phim nước ngoài phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép tổ chức;

b) Cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản này nộp trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

- Bản phim;

- Tóm tắt phim;

- Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt;

- Giấy phép cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có).

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trả lời bằng văn bản việc chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam.

Điều 39. Liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế tại nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân được tham gia liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế tại nước ngoài.

2. Trường hợp thể lệ liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh quốc tế quy định phim tham gia phải là đại diện quốc gia thì phim Việt Nam gửi tham gia phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyển chọn.

Điều 40. Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài

1. Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài không thuộc khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình phim, tuần phim Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại về nội dung, kế hoạch tổ chức;

b) Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức thực hiện và thông báo kết quả thực hiện cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài.

Điều 41. Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài

Phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài phải có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

Điều 42. Thu hút tổ chức nước ngoài làm phim tại Việt Nam

Tổ chức nước ngoài hợp tác sản xuất phim tại Việt Nam hoặc sử dụng dịch vụ do tổ chức của Việt Nam cung cấp được tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

Mục 2
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 43. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp;

b) Nguồn thu trích tỷ lệ phần trăm từ tổng thu thuế VAT của hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh;

c) Nguồn thu từ phát hành và phổ biến phim được sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ chi phí phát hành và các chi phí khác theo quy định hiện hành;

d) Nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 44. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Hỗ trợ các hoạt động điện ảnh không được hưởng chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh quy định tại Điều 5 của Luật này.

2. Hỗ trợ nhà sản xuất, đạo diễn đã có phim đạt giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, có hiệu quả xã hội đối với dự án sản xuất phim tiếp theo.

3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển tài năng trẻ.

4. Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh.

5. Đầu tư cho dự án sản xuất phim thể nghiệm, phim đầu tay, phim của tác giả trẻ.

6. Tạo nguồn kịch bản, hỗ trợ các trại sáng tác, các cuộc thi sáng tác kịch bản.

Điều 45. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Thực hiện thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản và công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ các dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước.

5. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh; chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;

b) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh, định hướng phát triển cơ sở điện ảnh trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao và du lịch;

c) Xây dựng cơ chế, chính sách về điện ảnh; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh;

d) Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;

đ) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh; hoạt động xúc tiến, quảng bá điện ảnh ở trong nước và nước ngoài;

e) Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;

g) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh;

h) Thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động điện ảnh; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với cá nhân và tác phẩm điện ảnh;

i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh.

Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh; huy động nguồn lực, thu hút đầu tư phát triển điện ảnh; lồng ghép các nội dung liên quan đến phát triển điện ảnh trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Tài chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh; bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện hoạt động sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh và các hoạt động điện ảnh khác.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các

chính sách, quy định và thực hiện quản lý việc phổ biến phim trên truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan quản lý tổ chức và hoạt động điện ảnh trong lực lượng vũ trang, thanh tra, kiểm tra và xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật này.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan nhà nước có liên quan quản lý công tác đào tạo nhân lực điện ảnh.

7. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 48. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương cụ thể hóa chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển điện ảnh phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh tại địa phương;

b) Đầu tư phát triển hệ thống điện ảnh cấp tỉnh; xây dựng, kiện toàn và củng cố hệ thống phát hành và phổ biến phim trên địa bàn;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường tại các địa điểm tổ chức sản xuất phim;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại số thứ tự 192 Phụ lục 4 Luật Đầu tư năm 2020 được sửa thành "kinh doanh dịch vụ phổ biến phim".

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI